TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31/2018**/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2018
V/v "*Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Lê Phú Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc *"Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ 12/4/2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Ông Trần L., sinh năm 1975;

Địa chỉ: số 75 - HMT (Tổ 21, phườngTh.Ph, quận HC, Tp. ĐN. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ng., sinh năm 1986.

Địa chỉ: K130/H 38/01 - MLB (Tổ 18, phường Th. Ph), quận HC, Tp. ĐN. Vắng mặt lần 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Trần L. trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Ng. đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định của Tòa án giao 03 con chung tên Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L., sinh ngày 28/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Ng. trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 1.500.000đ *(một triệu năm trăm ngàn đồng)* kể từ khi quyết định có hiệu lực

pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật bà Ng. đã đưa 03 con về nhà cha mẹ ruột của bà Ng. tại thành phố H. cho ông bà ngoại chăm sóc còn bản thân bà Nga bỏ đi đâu không cho ông và các con biết kể cả người thân của bà cũng không biết hiện nay bà Ng. đang ở đâu. Đến tháng 5/2017 ông đón 03 con về sống cùng ông tại địa chỉ số 75 - HMT (Tổ 21, phường Th.Ph), quận HC, Tp.ĐN. Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các cháu được thuận lợi, ông L. yêu cầu Tòa án sớm tạo điều kiện để các cháu được về sống cùng cha ruột và xem xét ra quyết định giao 03 con chung tên Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L., sinh ngày 28/11/2009 cho ông Trần L. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L. không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ng. cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] *Về thủ tục tố tụng*:
Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ng..
[2] *Về nội dung*: Ông Trần L. và bà Nguyễn Thị Ng. đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L. sinh ngày 28/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Ng. trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 1.500.000đ *(một triệu năm trăm ngàn đồng)* kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng thực tế sau khi ly hôn bà Ng. đã đưa 03 con chung về nhà cha mẹ ruột bà Ng. tại thành phố Huế cho ông bà ngoại chăm sóc còn bà Ng. bỏ đi đâu ông, các con và gia đình bà Ng. cũng như người thân của bà cũng không biết nên tháng 5/2017 ông Trần L. đã đưa 03 con về lại Đà Nẵng để chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2018 của Tòa án thể hiện: Sau khi bà Ng. với ông L. được Tòa án giải quyết ly hôn, bà Ng đi đâu địa phương không biết. Hiện nay, ông Trần L. và 03 chung tên Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L., sinh ngày 28/11/2009 sống tại tại địa chỉ số 75 - HMT (Tổ 21, p. Th.Ph), quận HC, Tp. ĐN.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ng. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đồng thời cũng đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu bà Ng. đến Tòa án để tham gia phiên

hòa giải nhưng bà Ng. đều vắng mặt không có lý do nên không xác định được nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Ng.

Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Trần L. HĐXX thấy: Mặc dù trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, về phần con chung giao 03 con chung cho bà Ng. là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng thực tế bà Ng. đưa 03 con chung về Huế cho ông bà ngoại nuôi các cháu. Đến tháng 5/2017 ông L. cũng đã đón 03 con về nuôi dưỡng cho đến nay nên điều này phù hợp với nguyên vọng của 03 cháu nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần L., giao cả 03 con chung Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L., sinh ngày 28/11/2009 cho ông Trần L. trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp qui định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần L. không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ng. cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình: Do chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Trần L., nên bà Ng. phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Hoàn trả cho ông Trần L. số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1169 ngày 22/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Trần L. đối với bà Nguyễn Thị Ng. về việc "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn". Xử giao 03 con chung là Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày: 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L., sinh ngày 28/11/2009 cho ông Trần L. trực tiếp nuôi dưỡng, bà Ng. không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần L. đối với bà Nguyễn Thị Ng. về việc: *"Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"*

Xử: 1. Giao 03 con chung là Trần Thị Ly N., sinh ngày 06/12/2003; Trần Thị Ny N., sinh ngày 28/7/2007 và Trần Nguyễn Phi L., sinh ngày 28/11/2009 cho ông Trần L. trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Ng. không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ng. phải chịu 300.000đ. Hoàn trả cho ông Trần L. số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 1169 ngày 22/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cụcTHADS quận Hải Châu;*
-*Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải